TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ TÂN TIẾN
BỘ PHẬN TN VÀ TKQ

SỐ: H31.171-251013-0037/KSGQHS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 13 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài

- Cơ quan (bộ phận) giải quyết hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Tiến
- Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:
- Tên người nộp: PHẠM VĂN HỒNG
- Địa chỉ: Thôn Hồng Phong, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0984924728
- Ngày giờ tiếp nhận: 13/10/2025 15:18:06, ngày giờ hẹn trả: 10/11/2025 15:18:06

Tên cơ quan	Thời gian giao, nhận hồ sơ	KQ giải quyết	Ghi chú
1.Giao: **Công chức TN Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Lãnh đạo Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường**	17....giờ 02 phút, ngày 13 tháng 10 năm 2025 **Người giao** *(Ký, họ tên)* Vũ Đình Chìu **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ *(Không tính thời gian)*
	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)* **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Phân công thẩm định *(2 giờ làm việc)*
1.Giao: **Lãnh đạo Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)* **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Thẩm định hs *(72 giờ làm việc)*
	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)* **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Trình Lãnh đạo xã *(16 giờ làm việc)*
1.Giao: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Văn thư cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)* **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Kiểm tra, phê duyệt *(8 giờ làm việc)*
1.Giao: **Văn thư cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)* **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Niêm yết, công khai *(2 giờ làm việc)*
1.Giao: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)* **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Thông báo kết quả *(20 giờ làm việc)*
	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)* **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Kiểm tra, xem xét *(8 giờ làm việc)*
1.Giao: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Văn thư cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)* **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Xem xét, ký duyệt *(4 giờ làm việc)*

1.Giao: **Văn thư cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Chuyển thuế *(2 giờ làm việc)*
1.Giao: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Thông báo và thực hiện nghĩa vụ tài chính (Cơ quan thuế, kho bạc, người nộp hồ sơ thực hiện) *(Không tính thời gian)*
1.Giao: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Văn thư cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Ban hành quyết định *(20 giờ làm việc)*
1.Giao: **Văn thư cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Đóng dấu và phát hành *(4 giờ làm việc)*
1.Giao: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Bộ phận TKQ Trung tâm Phục vụ Hành chính công Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Bàn giao kết quả *(2 giờ làm việc)*
1.Giao: **Bộ phận TKQ Trung tâm Phục vụ Hành chính công Xã, Phường** 2.Nhận: **Tổ chức, cá nhân**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân *(Không tính thời gian)*

PTN hồ sơ H31.171-251013-0037

UBND XÃ/PHƯỜNG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ TÂN TIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 13 tháng 10 năm 2025

H31.171-251013-0037

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Số hồ sơ: H31.171-251013-0037

(Liên: Lưu/Giao khách hàng)

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Vũ Đình Chìu
Đã tiếp nhận hồ sơ của ông (bà): PHẠM VĂN HỒNG
Địa chỉ: Thôn Hồng Phong, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên
Số điện thoại: 0984924728 Email:
Nội dung yêu cầu giải quyết: **Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài**

1. Thành phần hồ sơ:

- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có). (1 Bản chính)

- Giấy tờ về giao đất không đúng thẩm quyền hoặc giấy tờ về việc mua, nhận thanh lý, hóa giá, phân phối nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất theo quy định tại Điều 140 Luật Đất đai (nếu có). (1 Bản chính)

- Mảnh trích đo bản đồ địa chính thửa đất (nếu có). (1 Bản chính)

- Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 1, khoản 5 Điều 148, khoản 1, khoản 5 Điều 149 Luật Đất đai, sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (nếu có). Trường hợp thửa đất gốc có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai mà có phần diện tích đất tăng thêm đã được cấp Giấy chứng nhận thì nộp giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận đã cấp cho phần diện tích tăng thêm. (1 Bản chính)

- Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất (1 Bản chính)

2. Số lượng hồ sơ: 1

3. Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Thời gian này không bao gồm thời gian niêm yết, công khai, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian xác định và thực hiện nghĩa vụ tài chính; Trong khoảng thời gian trên TTHC sẽ thông báo tạm dừng thời gian giải quyết và tiếp tục tính thời gian sau khi người sử dụng đất thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, cơ quan có thẩm quyền xử lý xong vi phạm pháp luật và người vi phạm đã khắc phục xong hậu quả)

4. Thời gian nhận hồ sơ: 13/10/2025 15:18:06

5. Thời gian trả kết quả dự kiến: 10/11/2025 15:18:06

6. Đăng ký nhận kết quả tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Tiến
Vào sổ theo dõi, Quyển số:...01....., Số thứ tự: ...21.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẠM VĂN HỒNG

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Đình Chìu

UBND XÃ TÂN TIẾN
PHÒNG KINH TẾ

Số: 80 /TTr-PKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Tiến, ngày 17 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho của Ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên với thửa đất số 16, tờ BĐ số 66 tại thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch UBND xã Tân Tiến

Phòng Kinh tế xã Tân Tiến nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của Ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên địa chỉ thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kiểm tra rà soát hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, sổ giao ruộng đất năm 1993 và tiến hành thẩm tra hồ sơ tại thực địa, căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, phòng Kinh tế xã báo cáo và trình Chủ tịch UBND xã Tân Tiến nội dung như sau:

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ - CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ - CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 150/2025/NĐ - CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 666/2025/NĐ - CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT - BTNMT ngày 31/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT này 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, gồm:

a) Hồ sơ do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản nộp, gồm có:

+ Đơn đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất.

+ Các giấy tờ, văn bản chứng minh nguồn gốc sử dụng đất hợp pháp;

+ Các giấy tờ kê khai nghĩa vụ tài chính theo quy định.

+ Đơn đề nghị nộp tiền diện tích đất tăng

b) Về hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

- Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 66
- Địa chỉ thửa đất: thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên.
- Vị trí theo Bảng giá đất của UBND tỉnh: KV1 – VT1 – ĐH 73.
- Diện tích hiện trạng: 381,3m2, Mục đích sử dụng: ONT

c) Về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Theo hồ sơ hiện đang lưu trữ tại UBND xã, hiện tại thửa đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp về đất đai, tài sản gắn liền với đất.

d) Về nguồn gốc sử dụng đất:

Căn cứ vào Căn cứ vào Quyết định 74/QĐ-UB ngày 02/11/2004 của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc giải quyết tồn tại và giao đất làm nhà ở giai đoạn 1993-1996; Căn cứ vào sơ đồ hiện trạng khu đất xin được hợp pháp hóa theo Quyết định 948/QĐ- UBND của UBND tỉnh Thái Bình Căn cứ vào Bảng tổng hợp danh sách cấp trái thẩm quyền giai đoạn 1993-1996 xin hợp pháp hóa theo QĐ 948/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình của xã An Tràng: Đất mua của UBND xã

3. Đề xuất, kiến nghị

Căn cứ Điều 137 Luật Đất đai năm 2024, hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 66 của Ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

Phòng Kinh tế xã Tân Tiến báo cáo và trình Chủ tịch UBND xã Tân Tiến xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Chủ sử dụng đất: Ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên.
- Địa chỉ thường trú: thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên.
- Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 66, địa chỉ thửa đất: thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên.
- Diện tích đề nghị cấp GCN: 381,3m^2;
- Loại đất: đất ở nông thôn (ONT)
- Diện tích phải xử lý: 14,3.....m^2
- Hình thức xử lý: Nộp tiền sử dụng đất theo quy định.....
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;
- Hình thức sử dụng: Sử dụng chung.
- Nguồn gốc: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
- Thời điểm sử dụng đất: Năm 1993

4. Hồ sơ kèm theo Tờ trình:

- Đơn đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất.
- Biên bản thẩm tra thực địa;
- Báo cáo nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất.
- Trích lục bản đồ địa chính.
- Các hồ sơ theo điểm a) mục 2 của Tờ trình./.

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, PKT.

PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN TIẾN
TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X.TÂN TIẾN - T.HƯNG YÊN

Nguyễn Mạnh Toàn

UBND XÃ TÂN TIẾN **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30 /BC-PKT	*Tân Tiến, ngày 22 tháng 10 năm 2025*

BÁO CÁO

V/v Đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên đối với thửa đất số 16, tờ BĐ số 66 tại thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân xã Tân Tiến.

Ngày 13/10/2025, Phòng Kinh tế xã Tân Tiến nhận được hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên, địa chỉ thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kiểm tra rà soát hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc thửa đất hợp pháp và thẩm tra hồ sơ tại thực địa, phòng Kinh tế xã báo cáo UBND xã Tân Tiến về hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên như sau:

1. Nguồn gốc, hiện trạng sử dụng:

1.1. Nguồn gốc đất: Đất mua của UBND xã

- Căn cứ vào Căn cứ vào Quyết định 74/QĐ-UB ngày 02/11/2004 của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc giải quyết tồn tại và giao đất làm nhà ở giai đoạn 1993-1996; Căn cứ vào sơ đồ hiện trạng khu đất xin được hợp pháp hóa theo Quyết định 948/QĐ- UBND của UBND tỉnh Thái Bình ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên có mua của UBND xã một lô đất tại khu An Ninh, thôn Hồng Phong, xã An Tràng một lô đất có diện tích là 200m^2, số tiền sử dụng đất gia đình phải nộp là 1.000.000 đồng; do thời gian dài gia đình không còn lưu giữ được phiếu thu tuy nhiên trong Bảng tổng hợp danh sách cấp trái thẩm quyền giai đoạn 1993-1996 xin hợp pháp hóa theo QĐ 948/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình của xã An Tràng đã thể hiện ông Hồng đã nộp đủ số tiền 1.000.000 đồng nêu trên

Trong quá trình sử dụng ông Hồng có lấn ra thùng trũng, đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý; diện tích lấn chiếm là 167m^2

Căn cứ vào Bảng tổng hợp danh sách cấp trái thẩm quyền giai đoạn 1993-1996 xin hợp pháp hóa theo QĐ 948/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình của xã An Tràng; Quyết định 74/QĐ-UB ngày 02/11/2004 của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc giải quyết tồn tại và giao đất làm nhà ở giai đoạn 1993-1996; và thông báo của UBND xã An Tràng ngày 20/08/2007 về việc giải quyết tồn tại về đất đai cho phép ông Phạm Văn Hồng hợp thức hóa diện tích 167m2 đất lấn chiếm với số tiền sử dụng đất phải

nộp là 16.700.000đồng

Gia đình ông Phạm Văn Hồng đã nộp đủ số tiền nêu trên thể hiện bằng các phiếu thu:

- Phiếu thu số 22, ngày 12 tháng 03 năm 2005, số tiền 3.000.000đồng
- Phiếu thu số 21, ngày 03 tháng 05 năm 2007, số tiền 500.000đồng
- Phiếu thu số 15, ngày 31 tháng 12 năm 2007, số tiền 6.700.000đồng
- Phiếu thu số 08, ngày 12 tháng 10 năm 2008, số tiền 2.000.000đồng

Tổng số tiền sử dụng đất gia đình đã nộp: 16.700.000

Diện tích đất hợp pháp là 367m^2 loại đất: ONT

1.2. Về hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

- Năm 2012 đo đạc địa chính theo dự an Vlap, thửa đất của ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên là thửa đất số 16; tờ bản đồ 66, có diện tích 381,3m^2, tăng 14,3m^2 so với giấy tờ hợp pháp của gia đình. Nay ông Phạm Văn Hồng có đơn xin nộp tiền diện tích đất tăng và cấp giấy chứng nhận QSD đất

Kiểm tra tài liệu hồ sơ địa chính và hiện trạng sử dụng đất, qua xác minh từ cơ sở, xác định diện tích tăng 14,3m^2 là do gia đình không xác định được ranh giới thửa đất đã xây dựng công trình từ những năm 2000. Hiện trạng ranh giới được phân định rõ ràng, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất

- Về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Không;
- Về sự phù hợp với quy hoạch: Phù hợp quy hoạch;
- Hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất: Đảm bảo tính pháp lý về nguồn gốc đất đai, tài sản gắn liền với đất;
- Trong thời gian công khai hồ sơ đăng ký, cấp GCN quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, phòng Kinh tế và UBND xã Tân Tiến và gia đình ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại hay tranh chấp về ranh giới, mốc giới sử dụng đất và hồ sơ đăng ký đất đai, cấp GCN quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

II. Đề xuất, kiến nghị:

Căn cứ Điều 137 Luật đất đai năm 2024, nghị định số 101/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính Phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Phòng Kinh tế xã đề nghị UBND xã Tân Tiến xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 16, địa chỉ thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên cho ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên với nội dung như sau:

- Diện tích đề nghị cấp Giấy chứng nhận: 381,3m^2
- Mục đích sử dụng: Đất ONT
- Diện tích phải xử lý: 14,3.....m^2
- Hình thức xử lý: Nộp tiền sử dụng đất theo quy định.....

- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất mua của UBND xã năm 1993
- Thời điểm sử dụng đất: Năm 15/10/1993
- Thời hạn sử dụng đất: Đất ở: Lâu dài;

Hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Nguyên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Phòng Kinh tế xã báo cáo Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, ĐKQ.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X.TÂN TIẾN - T.HƯNG YÊN

Nguyễn Mạnh Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN
Thẩm tra, xác minh và kiểm tra thực địa hồ sơ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2025. Tại thôn Hồng Phong xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Chúng tôi gồm:

I. Thành phần tổ kiểm tra:

1. Ông: **Nguyễn Mạnh Toàn** - Trưởng phòng Kinh tế xã Tân Tiến
2. Ông: **Phạm Ngọc Cừ** - Chuyên viên phòng Kinh tế xã Tân Tiến
3. Ông: **Nguyễn Thế Duy** - Chuyên viên phòng Kinh tế xã Tân Tiến
4. Ông (bà): ..... - Trưởng thôn .....

II. Người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất: .....

1.Ông (bà): Phạm Văn Hồng CCCD số: 034068025260 Ngày cấp: .....

2.Ông (bà): Nguyễn Thị Nguyên CCCD số: 034170020352 Ngày cấp: .....

Địa chỉ thường trú: Tại Thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Về thửa

1.1 - Thửa đất số: 16, Tờ bản đồ: 66

1.2 - Địa chỉ thửa đất xin cấp: Tại thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

1.3 - Vị trí thửa đất theo bảng giá của UBND tỉnh: KV1 - VT1 (ĐH73 - Từ giáp xã An Vũ đến giáp xã Hồng Tiến)

1.4 - Diện tích đất theo hiện trạng: 381,3m² (.....)

1.5 - Diện tích đất theo giấy tờ: 367,0m² (.....)

1.6 - Diện tích tăng, giảm: 14,3 m² (.....)

Lý do tăng giảm: Lấn diện tích thửa đất do UB xã quản lý

1.7. Mục đích sử dụng: Đất ONT

1.8 - Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền SD đất

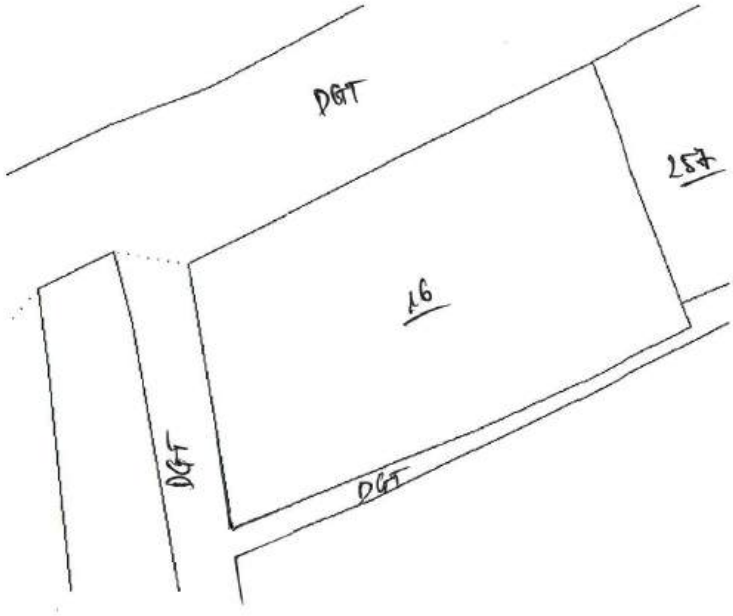
1.9 - Thời điểm sử dụng đất: 1993 + 2008

1.10 Thời hạn sử dụng đất: + Đất ở : Lâu dài + Đất nông nghiệp: .....

2. Về nhà

- Cấp nhà: -/- 4
- Diện tích sàn: -/- 75 + 75 m² - Diện tích xây dựng: 75 + 75 m²
- Số tầng: -/- 01
- Nguồn gốc hình thành nhà: -/- Tự xây dựng
- Ngày, tháng, năm hoàn công: 1998

2. Sơ đồ thửa đất:



Xác nhận của các chủ sử dụng đất liền kề ký và ghi rõ họ tên *(là trách nhiệm của chủ sử dụng đất dưới sự giám sát của trưởng thôn)*

- Đông: Đoàn Thị Xim - Nam: Bà Phạm Ngọc Cư
- Tây: DGT Phạm Ngọc Cư - Bắc: DGT Phạm Ngọc Cư

6. Về nghĩa vụ tài chính: Đầy đủ

7. Về tình trạng tranh chấp đất đai: Không

8. Về quy hoạch sử dụng đất: Phù hợp

9. Các giấy tờ kèm theo: GCN hợp pháp hoá của UBND xã An Thắng
- Hoá đơn nộp tiền
- Bảng tổng hợp danh sách cấp mới thêm quyền

IV. Ý KIẾN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Mức độ kê khai hồ sơ: Đầy đủ

2. Diện tích phải sử lý: 14,3 m^2

3. Hình thức sử lý : Nộp tiền sử dụng đất cho diện tích tăng thêm

4. Đủ điều kiện đăng ký ☑; Đủ điều kiện cấp GCN quyền sử dụng đất ☐:

4.1. Diện tích thửa đất: 381,3 m^2, trong đó:

- Diện tích đất ở: 381,3 m^2, trong hạn mức: 367 m^2, Ngoài hạn mức: 14,3 m^2
- Diện tích đất nông nghiệp (\): \ m^2

4.2. Tài sản gắn liền với đất:

- Cấp nhà: .....
- Diện tích sàn ..... (m^2): Diện tích xây dựng ..... (m^2):
- Số tầng: .....
- Nguồn gốc hình thành nhà: .....
- Ngày, tháng, năm hoàn công: .....

5. Không đủ điều kiện đăng ký ☐; Không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ ☐:

Lý do: .....

.....

6. Nội dung khác: Chủ sử dụng đất, các hộ liền kề cam kết kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ giấy tờ hợp pháp, cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu phát hiện kê khai không đúng, sử dụng giấy tờ giả hoặc có hành vi gian dối trước cán bộ thẩm định, kiểm tra xác minh thực địa, thực hiện đầy đủ hướng dẫn đúng quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước cơ quan và pháp luật nếu để xảy ra sai sót, thiếu sót trong quá trình thẩm tra.

7. Thời gian công khai 15 ngày , từ ngày:. .....đến hết ngày.....

tại UBND xã Tân Tiến và nhà văn hoá thôn nơi có đất. Hết thời hạn công khai, nếu không nhận được ý kiến phản ánh liên quan hồ sơ, phòng kinh tế xã Tân Tiến thực hiện chuyển thuế theo quy định.

Biên bản được thông qua, mọi người đều nhất trí với số liệu kiểm tra và ý kiến kết luận, biên bản được lập thành 02 bản để lưu hồ sơ./.

CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THÔN**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*
Phạm Ngọc Hồng	Ng Thị Nguyên
	Nguyễn
	Vũ Xuân Thứ

CHUYÊN VIÊN THẨM ĐỊNH		**PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN TIẾN**
Nguyễn Thế Duy	**Phạm Ngọc Cừ**	Nguyễn Mại Toàn

Mẫu số 15. Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi: UBND xã Tân Tiến[1)]

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất:

(Trường hợp nhiều người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản đó theo Mẫu số 15a)

a) Họ và tên [(2)]: **PHẠM VĂN HỒNG**

b) Giấy tờ nhân thân/pháp nhân [(3)]: CCCD số: **034068025260,** cấp ngày: **19/08/2021,** nơi cấp: **Cục cảnh sát**

c) Địa chỉ [(4)]: **thôn Hồng Phong, xã tân Tiến, tỉnh Hưng Yên**

d) Điện thoại liên hệ (nếu có): **0984924728**..... Hộp thư điện tử (nếu có): .....

2. Thửa đất đăng ký *(người sử dụng đất là tổ chức thì không phải kê khai mục này)*:

(Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc đề nghị cấp chung một Giấy chứng nhận cho nhiều thửa đất nông nghiệp thì không kê khai các nội dung tại Mục này mà chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa đất theo Mẫu số 15b)

a) Thửa đất số: **16,** ; 2.2. Tờ bản đồ số: **66/15**

b) Địa chỉ [(5)]: **thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên**

c) Diện tích [(6)]: **381,3** m^2; sử dụng chung: **381,3** m^2; sử dụng riêng: .....m^2.

d) Sử dụng vào mục đích[(7)]: **ONT 381,3** m^2**,** từ thời điểm: năm **2003-2006**

d) Thời hạn đề nghị được sử dụng đất[(8)]: **ONT, lâu dài**

e) Nguồn gốc sử dụng đất[(9)]: **Giao đất có thu tiền sử dụng đất**

g) Có quyền hoặc hạn chế quyền đối với thửa đất liền kề số ....., tờ bản đồ số ....., của ....., nội dung về quyền đối với thửa đất liền kề ..... [(10)].

3. Nhà ở, công trình xây dựng *(người sử dụng đất là tổ chức thì không phải kê khai mục này)*:

(Chỉ kê khai nếu có nhu cầu đăng ký hoặc chứng nhận quyền sở hữu tài sản; Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác trên cùng 01 thửa đất thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình theo Mẫu số 15c)

a) Loại nhà ở, công trình xây dựng [(11)]: .....

b) Diện tích xây dựng[(12)]: ..... m^2.

c) Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng [13]: .....m^2.

d) Sở hữu chung[14]: ..... m^2, sở hữu riêng[14]: ..... m^2.

đ) Số tầng: ..... tầng; trong đó, số tầng nổi: ..... tầng, số tầng hầm: .....tầng.

e) Nguồn gốc [15]: .....

g) Năm hoàn thành xây dựng[16]: .....

h) Thời hạn sở hữu đến [17]: .....

i) Cam kết về việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng[18]: □

4. Đề nghị của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: *(Đánh dấu ☑ vào ô lựa chọn)*

a) Đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất □

b) Đề nghị cấp Giấy chứng nhận □

c) Đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất *(đối với cá nhân)* □

d) Đề nghị khác (nếu có): .....

5. Những giấy tờ nộp kèm theo[19]:

(1) Hoá đơn nộp tiền sử dụng đất

(2) Các loại giấy tờ có liên quan

(3) .....

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tân Tiến, ngày 25 tháng 9 năm 2025

Người sử dụng đất/Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc đóng dấu (nếu có))

Phạm Văn Hồng

Mẫu số 15a.

DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Mẫu số 15)

Sử dụng chung thửa đất: □; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất: □ *(Đánh dấu vào ô lựa chọn)*

Số thứ tự	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân				Địa chỉ
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	NGUYỄN THỊ NGUYÊN	1970	CCCD	034170020352	26/09/2022	Cục cảnh sát	Thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến

Tân Tiến, ngày 25 tháng 9 năm 2025

Người sử dụng đất/Người kê khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Hồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày … tháng … năm …

[02] Lần đầu: ☒ **[03]** Bổ sung lần thứ:…

☐ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Người nộp thuế: PHẠM VĂN HỒNG

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): **034068025260**

[07] Địa chỉ: **Thôn Hồng Phong**

[08] Xã/phường/đặc khu: **Tân Tiến** [09] Tỉnh/Thành phố: **Hưng Yên**

[10] Điện thoại: …… [11] Fax: ..... [12] Email: .....

[13] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có): .....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày .....

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:

1.1. Thửa đất số (Số hiệu thửa đất): **16**; Tờ bản đồ số: **66/15**

1.2. Địa chỉ thửa đất:

1.2.1. Số nhà: , Tòa nhà: …… Ngõ/Hẻm:

Đường/Phố: **ĐH.73**; Thôn/xóm/ấp: **Hồng Phong**

1.2.2. Xã/phường/đặc khu: **Tân Tiến**

1.2.3. Tỉnh/thành phố: **Hưng Yên**

1.3. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm): **VT1**

1.4. Mục đích sử dụng đất: **(ONT)**

1.5. Diện tích (m^2): **381,3 m^2**

1.6. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho): **Giao đất có thu tiền**

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

- Tên tổ chức/cá nhân chuyển giao QSDĐ:……
- Mã số thuế:……
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): ……..
- Địa chỉ người giao QSDĐ: .....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày ..... tháng năm

1.7. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có): **1.860.744.000** đồng

2. Nhà:

2.1. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:

Cấp nhà: 4, Loại nhà: xây vữa tam hợp ,

Trường hợp là nhà ở chung cư:

Chủ dự án:..... Địa chỉ dự án, công trình.....

Kết cấu:..... Số tầng nổi:.....Số tầng hầm:.....

Diện tích sở hữu chung (m^2):..... Diện tích sở hữu riêng (m^2):.....

2.2. Diện tích nhà (m^2):

Diện tích xây dựng (m^2): .....

Diện tích sàn xây dựng (m^2): .....

2.3. Nguồn gốc nhà: .....

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm 2025

2.4. Giá trị nhà (đồng): đồng.....

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng ☐, nhận thừa kế ☐, nhận tặng cho ☐ **1.860.744.000** (đồng):

.....

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

.....

5. Thông tin đồng chủ sở hữu nhà, đất (nếu có):

STT	Tên tổ chức/cá nhân đồng sở hữu	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Phạm Văn Hồng		034068025260	50 %
2	Nguyễn Thị Nguyên		034170020352	50 %

6. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- Hoá đơn nộp tiền
- Hồ sơ đất 948
- Các loại giấy tờ khác có liên quan

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Tân Tiến, ngày 25 tháng 9 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Phạm Văn Hồng

Mẫu số: **01/TSDĐ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ☐

[02] Lần đầu ☑ [03] Bổ sung lần thứ ☐

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDĐ): PHẠM VĂN HỒNG

1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDĐ: thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có):..... Fax:.....Email:.....

1.3 Đại lý thuế (nếu có):.....

1.4. Mã số thuế: .....

1.5. Địa chỉ: .....**thôn Hồng Phong**.....

1.6. Xã/phường/Đặc khu: Tân Tiến Tỉnh/Thành phố: **Hưng Yên**

1.7. Điện thoại: ..... Fax: .....Email: .....

1.8. Hợp đồng đại lý thuế số :.....ngày.....

2. Giấy tờ về quyền SDĐ (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:

Bản vẽ quy hoạch, hoá đơn nộp tiền, đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các loại giấy tờ khác có liên quan

.....

3. Đặc điểm thửa đất:

3.1. Địa chỉ thửa đất:

Thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm): **VT1 (ĐH.73)**

3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng: **(LUC)**

3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng: **(ONT)**

3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất: **năm 2003-2006**

3.6. Nguồn gốc sử dụng đất: **Giao đất có thu tiền**

4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất 381,3 (m^2):

4.1.Đất ở tại nông thôn: **(ONT): 381,3 m2**

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có): 367 **m²**

b) Ngoài hạn mức giao đất ở **14,3** m²

4.2. Đất ở tại đô thị: (ONT)

a) Diện tích sử dụng riêng: m²

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có): m²

b) Diện tích sử dụng chung: .....

4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: .....

4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối: **m²**

5. Các khoản được giảm trừ tiền SDĐ hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất: .....

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có): **đồng**

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

Tân Tiến, ngày 25 tháng 9 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Phạm Văn Hồng

Mẫu số: **01/TK-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trừ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm .....

[02] Lần đầu: ☑ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên: **PHẠM VĂN HỒNG**

[05] Ngày/tháng/năm sinh: ..**1968**

[06] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[07] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST): **034068025260**

[08] Ngày cấp: **19/08/2021** **[09]** Nơi cấp: **Cục cảnh sát**

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Số nhà: ..... **[10.2]** Đường/phố: **ĐH.73**

[10.3] Tổ/thôn: **Hồng Phong,** **[10.4]** Xã/phường/đặc khu: **Tân Tiến**

[10.5] Tỉnh/Thành phố: **Hưng Yên**

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế: **thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên**

[12] Điện thoại: **0984924728**

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên đại lý thuế:.....

[14] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ..... Ngày: .....

3. Thửa đất chịu thuế: :

[16] Thông tin người sử dụng đất

STT	Họ và tên	MST	CMND/CCCD/HC (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ
1	Phạm Văn Hồng		034068025260	50%
2	Nguyễn Thị Nguyên		034170020352	50%

[17] Địa chỉ thửa đất:

[17.1] Số nhà: ..... **[17.2]** Đường/ phố: **ĐH.73**

[17.3] Tổ/thôn: **Hồng Phong** **[17.4]** Xã/phường/đặc khu: **Tân Tiến**

[17.5] Tỉnh/Thành phố: **Hưng Yên**

[18] Là thửa đất duy nhất: ☐

[19] Đăng ký kê khai tổng hợp tại: .....

[20] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[20.1] Số giấy chứng nhận: .....[20.2] Ngày cấp: .....

[20.3] Thửa đất số: **16**; [20.4] Tờ bản đồ số: **66/15**

[20.5] Diện tích: **381,3** m^2 [20.6] Loại đất/ Mục đích sử dụng: (**ONT 381,3** m^2)

[21] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: **381,3** m^2

[21.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: **381,3** m^2

[21.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định: không

[21.3] Hạn mức (nếu có): **381,3** m^2

[21.4] Diện tích đất lấn, chiếm: không

[22] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[22.1] Diện tích: **381,3** m^2 **2.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: **(ONT 381,3** m^2**)**

[23] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: năm **2003-2006**

[24] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: không

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [25] *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[25.1] Loại nhà: ..... [25.2] Diện tích: ..... [25.3] Hệ số phân bổ: .....

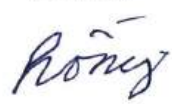
5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...)*: .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Tân Tiến, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)



Phạm Văn Hồng

II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG *(Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)*

1. Người nộp thuế

[27] Họ và tên: PHẠM VĂN HỒNG

[28] Ngày/ tháng/ năm sinh: 1968

[29] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[30] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: .....

[31] Ngày cấp: ..... **[32]** Nơi cấp: .....

2. Thửa đất chịu thuế

[33] Địa chỉ:

[33.1] Số nhà: ..... **[33.2]** Đường/phố: .....

[33.3] Tổ/thôn: ..... **[33.4]** Xã/phường/đặc khu: Tân Tiến

[33.5] Tỉnh/Thành phố: Hưng Yên

[34] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[34.1] Số giấy chứng nhận: ..... **[34.2]** Ngày cấp: .....

[34.3] Thửa đất số: ..... **[34.4]** Tờ bản đồ số: .....

[34.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: .....m^2

[34.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: .....m^2

[34.7] Loại đất/ Mục đích sử dụng: .....

[34.8] Hạn mức *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):* .....m^2

[35] Chưa có giấy chứng nhận: ☑

[35.1] Diện tích: 381,3 m^2 **[35.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: ONT

[36] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: 1993

[37] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:.....

3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)*: .....

4. Căn cứ tính thuế

[39] Diện tích đất thực tế sử dụng: 381,3 m^2 **[40]** Hạn mức tính thuế: 381,3 m^2

[41] Thông tin xác định giá đất:

[41.1] Loại đất/ mục đích sử dụng: ONT **[41.2]** Tên đường/vùng: ĐH73

[41.3] Đoạn đường/khu vực: Từ Ao Vũ → xã Đông Tiến **[41.4]** Loại đường: Đường nhựa

[41.5] Vị trí/hạng: VT1 **[41.6]** Giá đất: 1.860.744.000 đồng **[41.7]** Hệ số (đường/hẻm):

[41.8] Giá 1 m^2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*: 4.880.000 đồng

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[42] Diện tích trong hạn mức *(thuế suất: 0,03%)*	[43] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức *(thuế suất: 0,07%)*	[44] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức *(thuế suất 0,15%)*
881,3 m²	...	...

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[45] Diện tích: ..... **[46]** Hệ số phân bổ: .....

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[47] Diện tích: .....**[48]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*: .....

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[49] Diện tích: ..... **[50]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[51] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*: .....

5.5. Đất lấn chiếm:

[52] Diện tích: ..... **[53]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[54] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*: .....

Tân Tiến, ngày.....tháng..... năm.....

CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thế Dũng

Tân Tiến, ngày..... tháng..... năm.....

KT/ **CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

U.B.N.D XÃ TÂN TIẾN T.HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Trung Dũng

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc
Số: 74/QĐ - UB	*Quỳnh Phụ, ngày 02 tháng 11 năm 2004.*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Về việc giải quyết tồn tại trong giao đất làm nhà ở giai đoạn 1993 - 1996 xã An Tràng.

***

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

- Căn cứ luật đất đai ngày 26/11/2003;

- Căn cứ Quyết định 948/ 2000/QĐ - UB ngày 20/9/2000 của UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết những thiếu sót tồn tại trong quản lý, sử dụng đất vào xây dựng cơ bản làm nhà ở, điều chỉnh việc giao đất nông nghiệp và bổ xung việc giao đất làm muối ổ định lâu dài cho hộ gia đình;

- Căn cứ Quyết định số 01/2002/QĐ - UB ngày 07/01/2002 về việc sửa đổi bổ xung một số điều của bản quy định ban hành kèm theo quyết định số 948/2000/QĐ - UB.

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND xã An Tràng tại tờ số 09/TT -UB ngày 30/5/2004 và hồ sơ hợp pháp hoá thủ tục giao đất làm nhà ở của xã An Tràng đã được các ngành chức năng của huyện thẩm định tại biên bản số 67/BB LN Địa chính - Tài chính - Kế hoạch - Công thương - Chi Cục thuế huyện ngày 10/9/2004.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Hợp pháp hoá diện tích 18.879,4 m² (mười tám nghìn tám trăm bảy chín phẩy bốn mét vuông) cho 79 hộ gia đình cá nhân(có danh sách kèm theo) của xã An Tràng để sử dụng vào mục đích làm nhà ở, do UBND xã An tràng tự giao, được giao không đúng thẩm quyền và một số hộ lấn chiếm trái phép từ các năm 1993 - 1996 gồm các loại đất như sau:

Đất 2L	= 3.706 m²	(ba nghìn bảy trăm linh sáu mét vuông)
Đất Ao	= 2.823 m²	(hai nghìn tám trăm hai ba mét vuông)
Đất MNH	= 6.37,4 m²	(chín nghìn sáu trăm năm bảy phẩy bốn)
Đất NĐ	= 693 m²	(sáu trăm chín ba mét vuông)

Địa điểm, vị trí, ranh giới thước các thửa đất như trích lục bản đồ và quy hoạch đã được các ngành liên quan của huyện xác lập kèm theo.

Điều 2: Giao cho phòng Địa chính huyện hướng dẫn UBND xã An Tràng làm thủ tục trình UBND huyện ra quyết định giao đất cho các hộ được phép hợp pháp hoá nêu trên theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Điều 3: Tiền sử dụng đất phải thu của hộ gia đình, cá nhân là 254.913.000đ (hai trăm năm mươi tư triệu chín trăm mười ba ngàn đồng) đã thu nộp đủ vào ngân sách xã vì UBND xã đã sử dụng số tiền trên vào mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng của xã đã được đoàn thanh tra huyện năm 1997 xác minh rõ trong qúa trình thanh, kiểm tra.Số tiền còn lại phải thu nộp tiếp là 516.460.000đ(năm trăm bốn sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng). Uỷ ban nhân dân huyện giao cho Chi Cục thuế huyện phối hợp với các ngành liên quan thu nộp vàongan sách nhà nước theo luật định.

Điều 4: Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Thủ trưởng các phòng ban liên quan của huyện, Chủ tịch UBND xã An Trường trong phạm vi chức năng của mình tổ chức thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT huyện ủy.
- TTHĐND huyện.
- Như điều 4(để TH)
- Lưu VP.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
12 -09- 2025
Số 2365 Quyển số 01 SCT/BS

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỦ TỊCH

Nhữ Đức Bình

U.B.N.D XÃ TÂN TIẾN T.HƯNG YÊN

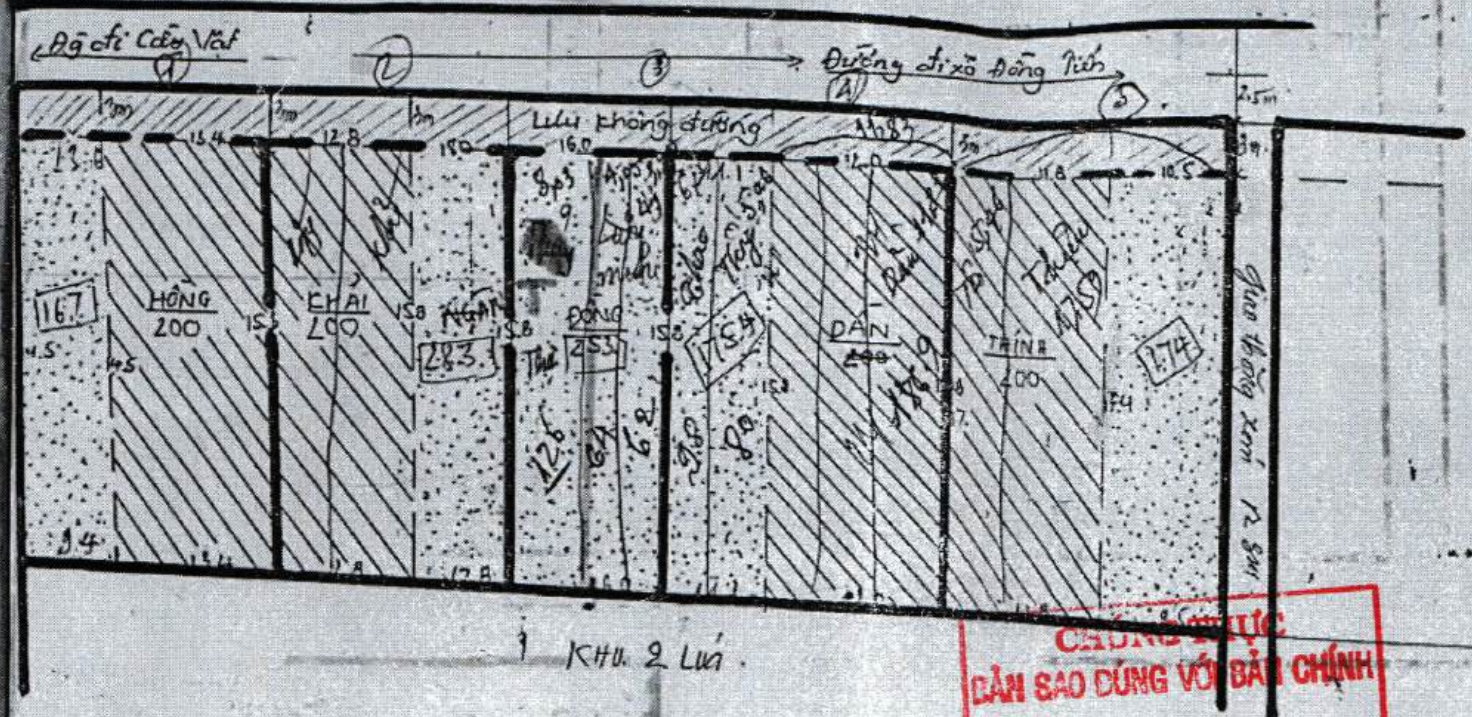
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ

Nguyễn Trung Dũng

SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT XIN HỢP PHÁP HÓ... THEO QUYẾT ĐỊNH 548/QĐ - UB CỦA UBND TỈNH

ĐỊA ĐIỂM: KHU Ao Đình ..... **THÔN** Hồng Phong ..... **XÃ AN TRẠNG HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Vùng 3,9,4



CHÚ DẪN

- Tổng DT xin HPH 1599
- Đất xã cấp = 800 m²
- Đất lấn chiếm = 799 m²

Trong đó:

- Đất thổ cư
- Đất xã cấp 800
- Đất lấn chiếm 799

PHÊ DUYỆT CỦA UBND HUYỆN

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
12-09-2025

Quyển số 01/SCT/BS

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Trung Dũng

NGƯỜI VẼ	T/M UBND XÃ	T/M BAN [illegible]	PHÒNG ĐỊA CHÍNH	PHÒNG CÔNG CHỨC

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ AN TRÀNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12 /TB-UBND	*An Tràng, ngày 20 tháng 8 năm 2007*

THÔNG BÁO

V/v giải quyết tồn tại về đất đai theo Quyết định 948/200/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình.

Kính gửi: Hộ gia đình **Ông(*bà*)**: Phạm Văn Thông cư trú tại thôn Tây Phương xã An Tràng.

Thực hiện Quyết định số 948/2000/QĐ-UB ngày 20 tháng 9 năm 2000 của UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết những thiếu sót, tồn tại trong quản lý và sử dụng đất vào xây dựng cơ bản, làm nhà ở, điều chỉnh việc giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài;

Căn cứ Quyết định số 74/2004/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2004 của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc giải quyết tồn tại trong giao đất làm nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 40/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Thái Bình về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành;

Thực hiện Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2007 của HĐND xã An Tràng nhiệm kỳ 2004 - 2009.

UBND xã An Tràng thông báo cho hộ gia đình **Ông(*bà*)**.... Thông ..... biết tổng số tiền mà hộ gia đình **Ông(*bà*)** phải nộp theo quyết định số 74 của UBND huyện Quỳnh Phụ là: 16.700.000 .....đồng, ***Bằng chữ*** (.. Mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn .....)

Số tiền Hộ gia đình **Ông(*bà*)** đã nộp là:.... 8.000.000 ,.đồng. ***Bằng chữ***(tám triệu đồng chẵn .....)

Số tiền còn phải nộp là: ..8.700.000,.....**đồng**..tám triệu bảy trăm nghìn đ

Vậy UBND xã An Tràng thông báo cho hộ gia đình **Ông(*bà*)** biết để đến thanh toán và nộp số tiền trên về UBND xã. Nếu đến hết ngày 30 tháng 8 năm 2007, hộ gia đình **Ông(*bà*)** cố tình không đến thanh toán và giao nộp. UBND xã sẽ lập hồ sơ đề nghị UBND huyện xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP.

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH. UBND XÃ

Mai Ngọc Sơn

Phiếu yêu cầu Thẩm định

Mức đóng thẩm định

Thẩm định

Thẩm định hồ sơ

Thẩm định hồ sơ

Thẩm định

Thẩm định hồ sơ

Thẩm định hồ sơ

Thẩm định hồ sơ

Thẩm định hồ sơ

Huyện: Quỳnh Phụ
UBND xã: An Thái

Mẫu số: C21-H
(Ban hành theo QĐ số: 999-TC/QĐ/CĐKT
ngày 2/11/1996 của Bộ Tài chính

PHIẾU THU

Quyển số: .....
Số : 22
Nợ: .....
Có: .....

Ngày 02 tháng 3 năm 2005

Họ tên người nộp tiền: Hoàng văn Hồng
Địa chỉ: An Thái - Quỳnh Phụ - Thái Bình
Lý do nộp: Góp quỹ
Số tiền: 3.000.000 (Viết bằng chữ) (Ba triệu đồng chẵn)

Kèm theo: ..... Chứng từ gốc

Chủ tài khoản	Kế toán trưởng	Người lập phiếu
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Tôi là: Nguyễn Quang Yêu thủ quỹ đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) là : 3.000.000
(Ba triệu đồng chẵn)

Ngày 2 tháng 4 năm 2005

Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*
Hoàng Văn Hồng	Nguyễn Quang Yêu

Sở Tài chính - Vật giá Thái Bình

Huyện: Quỳnh Lưu

UBND xã: Quỳnh Thọ

PHIẾU THU

Ngày 21 tháng 12 năm 2017

Quyển số .....

Số 45

NỢ .....

CÓ .....

Mẫu số C21 - H
QĐ số: 999-TC/QĐ/CĐKT
Ngày 2 tháng 11 năm 1996
của Bộ Tài chính

Họ tên người nộp tiền : Hoàng Văn Hồng

Địa chỉ : Hương Thọ - An Thọ - Quỳnh Thọ - Thái Bình

Lý do nộp : Đất ở

Số tiền : Sáu triệu *(viết bằng chữ)* Sáu triệu đồng chẵn

Kèm theo ..... **Chứng từ gốc** .....

Đã nhận đủ số tiền *(viết bằng chữ)* Sáu triệu đồng chẵn

Ngày 21 tháng 12 năm 2017

Chủ tài khoản (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
			Nguyễn Thị Nguyệt	

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) .....

+ Số tiền quy đổi .....

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: C 21 - H

(Ban hành theo QĐ số: 999-TC/QĐ/BTC
Ngày 2 tháng 11 năm 1996 của Bộ Tài chính)

Quyển số:.....
Số:.....
Nợ:.....
Có:.....

PHIẾU THU

Ngày 12 tháng 5 năm 2007

Họ, tên người nộp tiền: Phạm Văn Hồng

Địa chỉ: Hưng Hưng An Thủy

Lý do nộp: Đất ở

Số tiền(*) Sáu tr (Viết bằng chữ) (Sáu triệu đồng chẵn)

Kèm theo.....Chứng từ gốc:

Chủ Tài khoản	**Phụ trách kế toán**	**Người lập**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Tôi là: Ng Quang Yến Thủ quỹ đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) là: Sáu tr (Sáu triệu đồng)

Người nộp tiền	*Ngày 12 tháng 5 năm 2007* **Thủ quỹ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*
Nguyễn Thị Nguyên	Ng Quang Yến

Huyện: Q Phu Tho

UBND xã: Hung

PHIẾU THU

Quyển số .....
Số 03

Mẫu số C21 - H
QĐ số: 999-TC/QĐ/CĐKT
Ngày 2 tháng 11 năm 1996
của Bộ Tài chính

Ngày 12 *tháng* 10 *năm* 200 8

NỢ.....
CÓ.....

Họ tên người nộp tiền : Phạm văn Hùng

Địa chỉ : Thôn Hùng phong Tuần Lộ 96

Lý do nộp : .....

Số tiền : 2.000.000 *(viết bằng chữ)* Hai triệu đồng chẵn

Kèm theo Đơn Tuần 96 **Chứng từ gốc** .....

Tuan **Đã nhận đủ số tiền** *(viết bằng chữ)* Hai triệu đồng chẵn

Ngày 12 *tháng* 10 *năm* 200 8

Chủ tài khoản	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
			Thành	Tuan nhờ Tín

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
+ Số tiền quy đổi.....

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CẤP TRÁI THẢM QUYỀN GIAI ĐOẠN 1993 - 1996 XÃ HỢP PHÁP HOÁ THEO QĐ 948 /QĐ - UB CỦA UBND TỈNH THÁI BÌNH

XÃ AN TRÀNG HUYỆN QUỲNH PHỤ

ĐƠN VỊ TÍNH: 1000Đ

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	NĂM CẤP	ĐỊA DANH CẤP	TỔNG DT RIÊN TRANG	SỐ THỬA	TBĐ	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH CẤP	TỔNG SỐ TIỀN PHẢI NỘP	SỐ TIỀN ĐÃ NỘP	SỐ TIỀN CÒN THIẾU	DT TÍNH CHIẾM	ĐƠN GIÁ THU THEO QĐ 78	SỐ TIỀN PHẢI NỘP DT LẤN CHIẾM THEO NĐ 38/CP	HÌNH THỨC PHẠT THEO NĐ 04	HẠN MỨC PHẠT	TỔNG SỐ TIỀN PHẢI NỘP TIẾP	
1.	Nguyễn Thị Thân	H.Phóng	1993	Hồng phong	386	18	06	MNH	300	1.000.000	1.000.000		86	55.000	4.730.000		3.870.000	8.600.000	8.600.000
2.	Phạm Thế Toan	"	"	"	317	20+12	"	"	200	1.500.000	1.500.000		117	"	6.435.000		5.265.000	11.700.000	11.700.000
3.	Phạm Hữu Uy	"	"	"	400	22	"	"	200	1.000.000	1.000.000		200	"	11.000.000		9.000.000	20.000.000	20.000.000
4.	Nguyễn Văn Tài	"	"	"	348	209+12	"	"	100	700.000	700.000		248	"	13.640.000		11.160.000	24.800.000	24.800.000
5.	Nguyễn Văn Nhương	"	"	"	103	"	"	"	100	700.000	700.000		0	"	0		0	0	0
	Tạ Khắc Lệ	"	"	"	368	37+36	08	"	100	1.000.000	1.000.000		268	"	14.740.000		4.020.000	18.760.000	18.760.000
	Khắc Thục	"	"	"	100	"	"	"	100	6.450.000	6.450.000		0	"	0		0	0	0
	[illegible]	"	"	"	321	39	"	"	160	500.000	500.000		160	"	8.800.000		2.400.000	11.200.000	11.200.000
9.	Hoàng Chi [illegible]	"	"	"	175	69	07	XD	150	2.250.000	2.250.000		25	"	1.375.000			1.375.000	1.375.000
10.	Phạm Văn Tuân	"	"	"	189	86	"	"	150	2.250.000	2.250.000		39	"	2.145.000		4.875.000	7.020.000	7.020.000
	[illegible] Ngọc Lanh	"	"	"	[illegible]	22+67	"	"	320	[illegible]	[illegible]		9	"	495.000	C. các	0	495.000	496.000
12.	Nguyễn Văn Cầu	"	"	"	258	54	06	MNH	200	8.000.000	8.000.000		56	"	3.190.000		2.610.000	5.800.000	5.800.000
13.	Nguyễn Viết Lua	"	"	"	281	49+80	"	"	200	1.000.000	1.000.000		81	"	4.455.000		3.645.000	8.100.000	8.100.000
14.	Phạm Văn Hiếu	"	"	"	145	70	"	"	145	6.450.000	6.450.000		0		0		0	0	0
15.	Phạm Văn Hồng	"	"	"	367	130	"	"	200	1.000.000	1.000.000		167	"	9.185.000		7.515.000	16.700.000	16.700.000
16.	Lương Văn Khải	"	"	"	283	129+128	"	"	100	500.000	500.000		165	"	10.185.000		8.115.000	18.300.000	18.300.000
17.	Lương Văn Tuân	"	"	"	392		"	"	100	500.000	500.000		100	"	5.500.000		4.500.000	10.000.000	10.000.000
18.	Hoàng Chí Thắng	"	"	"	253	123	"	"	0	13.915.000	13.915.000		253	"	13.915.000		11.385.000	25.300.000	25.300.000
19.	Phạm Văn Dần	"	"	"	375.4	120-122	"	"	200	1.000.000	1.000.000		175.4	"	9.647.000		7.853.000	17.500.000	17.500.000
20.	Tạ Khắc Trình	"	"	"	374	116+117	"	"	200	1.000.000	1.000.000		174	"	9.570.000		7.830.000	17.400.000	17.400.000
21.	Nguyễn Hữu Chiến	Trang	"	Trang	200	161	03	Ao	200	500.000	500.000		0	"	0		0	0	0
22.	Mai Xuân Chúng	"	"	"	230	162+163	"	"	200	500.000	500.000		30	"	1.650.000		50.000	1.700.000	1.700.000
23.	Mai Xuân Quyết	"	"	"	242	164	"	"	200	500.000	500.000		42	"	2.310.000		50.000	2.360.000	2.360.000
24.	Nguyễn Bá Thu	"	"	"	287	165	"	"	200	500.000	500.000		57	"	3.135.000		100.000	3.735.000	2.785.000
25.	Nguyễn Trí Diệm	"	1995	"	140	250	6	2	100	4.500.000	4.500.000		40	"	2.200.000		600.000	2.800.000	2.807.000
26.	Phạm Đăng Lợi	"	1995	Trung	152	210+211	02	MNH	100	300.000	300.000		52	"	2.860.000		6.500.000	9.360.000	9.360.000
27.	Nguyễn Trí Bắc	"	"	"	330	224	"	"	120	1.000.000	1.000.000		210	40.000	8.400.000		2.100.000	10.500.000	10.500.000
28.	Nguyễn Quốc Hưởng	phúc	"	"	312	225	"	"	120	1.000.000	1.000.000		192	"	7.680.000		1.920.000	9.600.000	9.600.000
29.	Nguyễn Trí Hương	"	"	"	323	226	"	"	120	1.000.000	1.000.000		200	"	8.120.000		2.030.000	10.150.000	10.150.000
30.	Nguyễn Quang Thao	Thương	"	"	323	228	"	"	120	1.000.000	1.000.000		200	"	8.120.000		2.030.000	10.150.000	10.150.000
31.	Nguyễn Thị Mai	"	"	"	323	229	"	"	120	1.000.000	1.000.000		200	"	8.120.000		2.030.000	10.150.000	10.150.000
32.	Nguyễn Thị Đông	"	"	"	211	232+231	"	"	120	1.000.000	1.000.000		200	"	8.120.000		2.030.000	10.150.000	10.150.000
33.	Nguyễn Văn Quyền	"	"	"	172	221	"	"	140	6.300.000	6.300.000		91	"	3.460.000		1.090.000	4.550.000	4.550.000
34.	Nguyễn Đức Mạc	"	"	"	131	220	"	"	160	4.500.000	4.500.000		32	"	1.280.000		4.480.000	5.760.000	5.780.000
35.	Nguyễn Phú Hưng	"	1996	Thương	268	43	01	2	130	6.300.000	6.300.000		31	"	1.240.000		4.340.000	5.580.000	5.580.000
36.	Nguyễn Văn Rư	"	1995	"	235	360	"	"	200	7.000.000	7.000.000		136	55.000	7.480.000		17.360.000	24.840.000	24.840.000
37.	Nguyễn Thị Bắc	"	"	"	240	227	"	"	200	1.000.000	1.000.000		35	"	1.925.000		3.325.000	5.250.000	5.250.000
38.	Phạm Văn Thường	"	"	"	140	365	"	"	20	80.000	80.000		42	"	2.310.000		5.010.000	7.320.000	7.320.000
39.	Phạm Văn Thích	"	"	"	280		"	"	280	5.400.000	5.400.000		122	"	6.710.000		15.090.000	21.800.000	21.801.000
	Nguyễn Văn Sáng				150	347			150	4.500.000	4.500.000								
	Phạm Văn Mậu				220	347			150	4.500.000	4.500.000		70		3850000		8750000	12600000	12600000
	Nguyễn Quang Tiến				200	346			150	4.500.000	4.500.000		50		2750000		6250000	9000000	9000000
	phạm Đăng Tiếp				226	[illegible]			[illegible]	[illegible]	[illegible]								

	Trần Xuân Tuấn				118	343			128	3.640.000	3.640.000	173		990.000		800.000	1.790.000
	Nguyễn Thị Tam				180	341			100	5.500.000	5.500.000	18		990.000		800.000	1.790.000
	Phạm Đăng Hoan				205	340			150	5.250.000	5.250.000	10		550.000		450.000	1.000.000
46.	Vũ Xuân Ngọ				220	441			200	7.000.000	7.000.000	5		110.000	c.cáo	0	110.000
49.	Trương Văn Thạch	Trang		Trang	113	279+278	03	Áo	114	4.000.000	4.000.000	6		330.000		0	330.000
50.	Phạm Hữu Hảo				221	277			0	0	0	113	40.000	4.520.000		6.780.000	11.300.000
51.	Mai Xuân Đông				376	260			150	1.200.000	1.200.000	61		2.440.000		1.830.000	4.270.000
52.	Mai Xuân Hối				135				280	2.800.000	2.800.000	96		3.840.000		4.280.000	8.120.000
53.	Phạm Văn Đính				135				0	0	0	135		5.400.000		4.050.000	9.450.000
54.	Phạm Thị Liên	Thương		Thương	150	4	01	2L	0	0	0	135		5.400.000		4.050.000	9.450.000
55.	Phạm Thị Dược				200	5			150	5.550.000	5.550.000	0		0		0	0
56.	Phạm Đăng Sang				200	6			200	7.400.000	7.400.000	0		0		0	0
57.	Nguyễn Phú Đại				120	8			200	7.400.000	7.400.000	0		0		0	0
58.	Nguyễn Phú Khoát				120				120	4.440.000	4.440.000	0		0		0	0
59.	Nguyễn Phú Đông				240				120	4.440.000	4.440.000	0		0		0	0
60.	Đinh Thị [illegible]				100				240	6.880.000	6.880.000	0		0		0	0
61.	Ngu[illegible] Thị Vinh				500				100	3.700.000	3.700.000	0		0		0	0
62.	Phạ[illegible] Chanh				200				500	18.500.000	18.500.000	0		0		0	0
63.	Đinh[illegible]				150				200	7.400.000	7.400.000	0		0		0	0
64.	Vũ Xuân Chính				200	21+23			150	5.550.000	5.550.000	0		0		0	0
65.	Phạm Đình Giới				160	2			200	7.400.000	7.400.000	0		0		0	0
66.	[illegible] Cầu				150				160	5.920.000	5.920.000	0		0		0	0
67.	Phạm Đăng Phú				200				150	5.550.000	5.550.000	0		0		0	0
68.	Nguyễn Quang Tuy				374	10+11			200	7.400.000	7.400.000	0		0		0	0
69.	Phạm Đăng Tuấn				302	12			113	340.000	340.000	261	55.000	14.355.000		7.000.000	21.355.000
70.	Nguyễn Văn Dân (Tiến)				299	14			134	400.000	400.000	168		9.240.000		200.000	9.440.000
71.	Phạm Đăng Tiến				300	16			157	540.000	540.000	142		7.810.000		200.000	8.010.000
72.	Phạm Đăng Thoan				311	20			157	540.000	540.000	143		7.865.000		200.000	8.065.000
73.	Vũ Xuân Chính				311				162	550.000	550.000	149		8.195.000		200.000	8.395.000
74.	Phạm Đăng Khuê				309	26			162	550.000	550.000	149		8.195.000		200.000	8.395.000
75.	Phạm Đăng Bền				299	27			157	540.000	540.000	152		8.360.000		200.000	8.560.000
76.	Phạm Thị Nguyệt			Trang	193	229	03	Áo	154	500.000	500.000	145		7.975.000		200.000	8.175.000
77.	Hoàng Công Quân				193				193	530.000	530.000	0		0		0	0
78.	Mai Xuân Tiếu				375				193	530.000	530.000	0		0		0	0
79.	Nguyễn Thị Tam	Trang			180				375	1.058.000	1.058.000	0		0		0	0
									180	600.000	600.000	0		0		0	0

NGƯỜI LẬP BẢNG

T/M UBND XÃ

T/M ĐẢNG UỶ XÃ

T/M HĐND XÃ

CHI CỤC THUẾ HUYỆN

PHÒNG TÀI CHÍNH

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
16 -10- 2025
Số: 2866 Quyển số: 01 SCT/BS

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Trung Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card



Số / No.: 034068025260
Họ và tên / Full name:
PHẠM VĂN HỒNG
Ngày sinh / Date of birth: 19/07/1968
Giới tính / Sex: Nam Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
An Tràng, Quỳnh Phụ, Thái Bình
Nơi thường trú / Place of residence: Thôn Hồng Phong
An Tràng, Quỳnh Phụ, Thái Bình
Có giá trị đến: 19/07/2028
Date of expiry

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card



Số / No.: 034170020352
Họ và tên / Full name:
NGUYỄN THỊ NGUYÊN
Ngày sinh / Date of birth: 01/01/1970
Giới tính / Sex: Nữ Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
Đồng Tiến, Quỳnh Phụ, Thái Bình
Nơi thường trú / Place of residence: Thôn Hồng Phong
An Tràng, Quỳnh Phụ, Thái Bình
Có giá trị đến: 01/01/2030
Date of expiry

Đặc điểm nhân dạng / *Personal identification:*
Nốt ruồi C 1 cm sau đuôi mắt phải
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 19/08/2021
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI


Ngón trỏ trái


Ngón trỏ phải

Tô Văn Huệ

IDVNM068025260903406802526O<<2
6807197M2807199VNM<<<<<<<<<<<8
PHAM<<VAN<HONG<<<<<<<<<<<<<<<

Đặc điểm nhân dạng / *Personal identification:*
Sẹo chấm C 2 cm dưới trước đại tai trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 26/09/2022
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

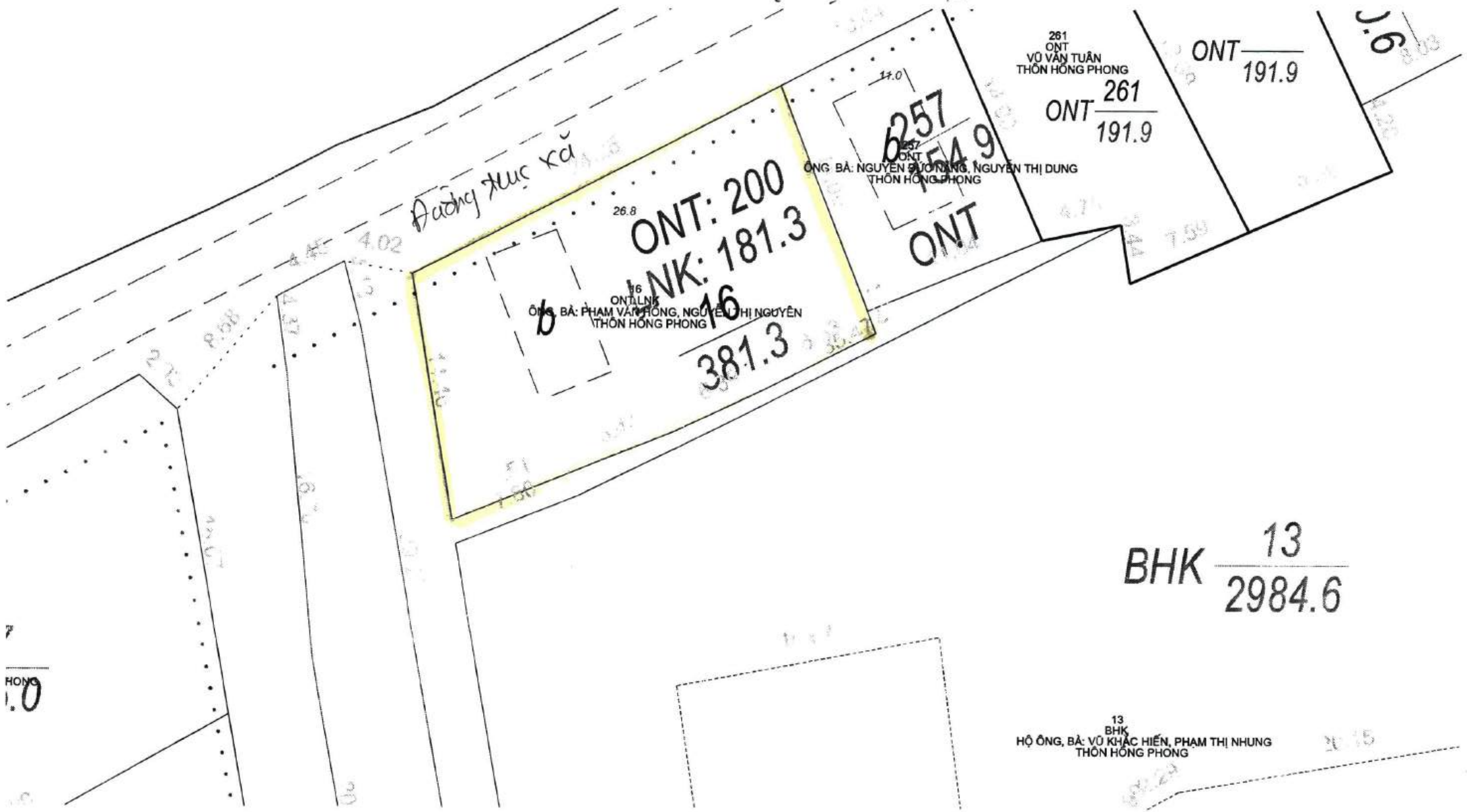

Ngón trỏ trái


Ngón trỏ phải

Nguyễn Quốc Hùng

IDVNM170020352203417002035Z<<5
7001017F3001019VNM<<<<<<<<<<<0
NGUYEN<<THI<NGUYEN<<<<<<<<<<<<

Bản đồ đo đạc năm 2013, tờ số 15
Cấp hộ đất chưa xã



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Tiến, ngày 25 tháng 9 năm 2025

ĐƠN XIN
Nộp tiền sử dụng đất

Kính gửi : - UBND xã Tân Tiến

1. tên tôi là: **Phạm Văn Hồng;**
2. Địa chỉ: Thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên;
3. Địa điểm khu đất: Thôn Hồng Phong, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên;
4. Diện tích xin nộp tiền: 14,3 m^2;
5. Mục đích đang sử dụng: Đất (ONT): 381,3 m^2;
6. Theo theo Quyết định giao đất số 74/QĐ-UBND ngày 02/11/2004 của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc giải quyết tồn tại trong giao đất làm nhà ở giai đoạn 1993-1996 xã An Tràng, bản vẽ quy hoạch sử dụng đất gia đình tôi được giao là 367,0 m^2.

Nay là thửa đất 16, tờ bản đồ số 66/15, diện tích 381,3 m^2. Vậy đối chiếu giữa diện tích đất được giao và diện tích đất hiện trạng thì diện tích tăng là 14,3 m^2, về hình thể thửa đất không thay đổi từ trước tới nay gia đình tôi xử dụng ổn định không có tranh chấp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Hiện nay gia đình tôi đang hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 16, tờ bản đồ số 66/15, diện tích 381,3 m^2 gia đình tôi xin được nộp tiền sử dụng đất diện tích tăng 14,3 m^2 theo quy định.

Vậy tôi làm đơn này đề nghị UBND xã Tân Tiến cho phép gia đình tôi được nộp tiền sử dụng đất diện tích 14,3 m^2 nêu trên theo quy định.

7. Tôi xin cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

Theo đơn đề nghị xin được nộp Tiền Sử dụng đất UBND xã nhất trí cho ông Hồng được nộp Tiền Sdd diện tích 14,3 m² đất BHK chưa Sử dụng Sang đất ONT

.....

.....

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ

Nguyễn Trung Dũng

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(ký và ghi rõ họ tên)

Hồng

Phạm Văn Hồng